

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 9 - 2023

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Kim Duyên

2. Bà Kiều Thị Thắng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:** Bà Chu Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị N, sinh năm 1988 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phùng Ngọc T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02 tháng 12 năm 2022 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hà Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Ngọc T kết hôn ngày 30 tháng 01 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã K (nay là thị trấn K), huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, chị về ở và làm ăn chung với gia đình anh T. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tháng 02 năm 2022, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và ly thân từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay. Anh T bỏ đi làm thuê xa nhà từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay, không về gia đình lần nào. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Phùng Khánh T, sinh ngày 20/9/2013 và cháu Phùng Gia M, sinh ngày 28/4/2020, hiện đều đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị và anh T không có tài sản cho ai vay và không vay của ai tài sản gì.

- Bị đơn anh Phùng Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T cũng như không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật được. Anh T không có yêu cầu phản tố. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh T không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do chị N cung cấp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai của cháu Phùng Khánh T. Cháu T có nguyện vọng được ở với chị N. Cháu Phùng Gia M chưa đủ 07 tuổi nên không thuộc trường hợp phải lấy lời khai.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, như: Cung cấp đầy đủ, kịp thời các chứng cứ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án cho Tòa án, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hà Thị N, cho chị Hà Thị N được ly hôn anh Phùng Ngọc T; về con chung: Giao cháu Phùng Khánh T, cháu Phùng Gia M cho chị N nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản, công sức, đất canh tác: Không yêu cầu nên không xem xét; về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân. Do bị đơn anh Phùng Ngọc T có nơi cư trú tại Tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Phùng Ngọc T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết nên trong hồ sơ không có lời khai của anh T và Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Hà Thị N đã cung cấp, ghi đầy đủ đúng địa chỉ nơi cư trú của anh T cho Tòa án nhưng anh T cố tình giấu địa chỉ thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 18/8/2023, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và niêm yết theo quy định, ngoài ra còn giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Bùi Thị C là mẹ anh T và bà C cam đoan thông báo ngay cho anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã niêm yết quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, ngoài ra còn giao quyết định hoãn phiên tòa cho bà Bùi Thị C và bà C cam đoan thông báo ngay cho anh T. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phùng Ngọc T là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay, cũng như trong quá trình giải quyết tại Tòa án, chị N cương quyết xin ly hôn còn anh T vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo lời trình bày của chị N là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và ly thân từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay. Anh T bỏ đi làm thuê xa nhà, không về gia đình lần nào.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Bùi Thị C là mẹ của anh T xác định tháng 02 năm 2022, giữa chị N và anh T đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng chị N, anh T mâu thuẫn thì bà C không biết. Anh T, chị N mâu thuẫn căng thẳng và ly thân từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay. Anh T bỏ đi làm thuê xa nhà từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay không có lần nào về gia đình. Hiện nay, anh T đi làm thuê ở xa, còn cụ thể ở đâu thì bà C không biết vì nhiều lần bà C có hỏi nhưng anh T không nói. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà C cũng đã nhận thay anh T các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T và bà đều thông báo cho anh T được biết nhưng vì anh T làm thuê ở xa nên anh T không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn được. Anh T có nói với bà C là đồng ý ly hôn với chị N và đề nghị để chị N nuôi cả hai con.

Tại biên bản xác minh tại địa phương nơi cư trú của anh T cũng thể hiện anh T đã rời khỏi địa phương từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay. Địa phương không rõ anh T làm gì, ở đâu.

Như vậy, có thể khẳng định vợ chồng chị N, anh T mâu thuẫn căng thẳng và ly thân từ khoảng tháng 3 năm 2022 cho đến nay. Anh T biết việc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết vụ án ly hôn giữa chị N và anh T nhưng anh T cố tình không đến Tòa án để giải quyết. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ vì cuộc sống chung giữa chị N và anh T không có hạnh phúc, quan hệ hôn nhân đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Vợ chồng chị N, anh T có 02 con chung là cháu Phùng Khánh T, sinh ngày 20 tháng 9 năm 2013 và cháu Phùng Gia M, sinh ngày 28/4/2020, hiện đều đang ở với chị N. Ly hôn, chị N xin được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị N về việc được trực tiếp nuôi cả hai con là chính đáng. Cháu T cũng có nguyện vọng được ở với chị N. Cháu M chưa đủ 07 tuổi nên không thuộc trường hợp Tòa án phải lấy lời khai. Anh T thường xuyên đi làm xa. Anh T biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị N với anh T nhưng anh T không về nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N để giao cả hai cháu cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

- Về công nợ: Chị N xác nhận không có.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức đóng góp: Vì chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T vắng mặt không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[4]. Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Phùng Ngọc T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Cho chị Hà Thị N được ly hôn anh Phùng Ngọc T.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Phùng Khánh T, sinh ngày 20/9/2013 và cháu Phùng Gia M, sinh ngày 28/4/2020 cho chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Phùng Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Anh Phùng Ngọc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003449 ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hà Thị N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn anh Phùng Ngọc T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND.TT. K, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thanh Thảo**

